

Bản án số: 41/2018/HS-ST
Ngày 30 – 11 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Võ Việt Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Vưu Bảo G**, sinh năm 1983 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Nuôi trồng thủy sản; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vưu Hồng K và bà Diệp Thị L; vợ: Trần Mỹ X và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử vào ngày 29/12/2016 xử phạt 01 năm 06 tháng tù và vào ngày 15/6/2018 xử phạt 08 năm 06 tháng tù cùng về tội “Trộm cắp tài sản”; Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử vào ngày 11/9/2018 xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác (có mặt).

2. **Trương Văn D**, sinh năm 1976 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Minh Th và bà Ngô Thị B; có vợ là Hồ Thị D và 02 con; tiền án,

tiền sự: Không; nhân thân: Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử vào ngày 11/9/2018 xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đang bị tạm giam trong một vụ án khác (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn D:*

1. Ông Nguyễn Đình Thái Hùng là Luật sư của Văn phòng Luật sư Thái Hùng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Duy Sơn là Luật sư của Công ty Luật TNHH Kao Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Bà Thái Thị Diễm Trúc là Luật sư của Công ty TNHH MTV Tín nhân thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Bị hại:*

1. Ông Hà Việt Th, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Hồng Th1, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn Đ1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Ông Phạm Minh D1, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Anh Phạm Hoài H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

6. Chị Nguyễn Mỹ Ti, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

7. Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

8. Chị Trương Hồng H1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

9. Anh Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

10. Anh Phạm Hoàng C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

11. Bà Trần Thu Đ, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

12. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

13. Chị Lâm Hồng Tr, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ,

tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

14. Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Hoàng Di, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Vưu Hồng K, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Anh Hồ Út Nh, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

4. Anh Hồ Văn Ta, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Anh Phan Hoàng P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Chị Trần Mỹ X, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 29/01/2016 Vưu Bảo G rủ Trương Văn D đi lấy trộm tài sản thì được D đồng ý, G điều khiển vỏ composite hiệu Hữu Vui, dài 6,3m, máy Mitshubitshi 6.0HP (của G) chở D đến nhà của ông Hà Việt Th ở ấp T, xã T1; khi đến G, D phát hiện vỏ máy xe của ông Th đậu trong rạp vỏ cặp mé sông thì cặp vỏ, máy lại và bước qua vỏ, máy của ông Th dùng chìa khóa G mang theo tháo dàn cầu, khiêng đầu máy trước và quay lại khiêng dàn cầu đưa qua vỏ, máy của G; sau đó đem tài sản vừa trộm về nhà G cất giấu, 02 ngày sau G, D chở đầu máy đến bán cho ông Lê Hoàng Di ở ấp T, xã T1 với giá 5.000.000 đồng và đem dàn cầu gửi tại nhà của ông Vưu Hồng K ở ấp T, xã T1 (cha ruột của G). Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 máy thủy 3T72 (loại máy xe), dàn cầu và lát bằng inox có giá trị là 23.400.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Vưu Bảo G và Trương Văn D còn khai nhận thực hiện các vụ trộm tài sản khác, cụ thể như sau:

1. Vào ngày 01/9/2014, G, D điều khiển vỏ, máy đến nhà của ông Nguyễn Văn L, ở khóm X, thị trấn Đ1; khi đến G, D đậu vỏ, máy dưới mé sông, cách nhà ông L khoảng 100m rồi đi bộ đến hành lang phía bên phải (hướng từ mé

sông nhìn lên), D vào mở cửa (loại cửa lá sắt, bên trong có lồng kiếng) và cùng G đi vào trong nhà; G, D cùng tháo chiếc Tivi (ở trên bàn nhà giữa) khiêng xuống mé sông và quay lại lấy thêm 01 bộ bàn ghế bằng inox (01 bàn 04 ghế) đưa xuống vò và chở về nhà của D; khi về đến, D mang Tivi và mặt bàn lên nhà còn G mang 04 cái ghế về sử dụng. Khoảng 2 ngày sau G, D đem Tivi đi bán cho anh Hồ Út Nh ở ấp T, xã T1 số tiền 6.000.000 đồng và chia hai số tiền bán được. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 tivi hiệu SamSung, 55 inch (kèm remote) giá trị là 33.210.000 đồng; 01 bàn inox giá trị là 1.200.000 đồng và 04 ghế inox giá trị là 640.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 35.050.000 đồng (các tài sản này của chị Nguyễn Hồng Th1 và anh Nguyễn Phi H – con ông L mua sắm).

2. Ngày 02/10/2014 (nhằm ngày 10/9/2014 âm lịch) G cùng với D điều khiển vò, máy đến nhà bà Nguyễn Thị N ở ấp T, xã T1; khi đến G, D đậu vò, máy Ta chòi cống xổ vuông rồi đi đến cửa nhà sau, D dỡ cửa lên để G đi vào trong nhà tháo dây lấy chiếc Tivi để trên bàn và khiêng ra ngoài, D kéo cửa cho G đi ra đưa xuống vò, rồi tiếp tục đi đến nhà của ông Phạm Minh D1 ở ấp T, xã T1; khi đến G, D đậu vò, máy trước nhà, D vào nhà qua cửa lá sách bằng gỗ lấy một máy vanguard và 03 cal dầu đưa cho G để xuống vò, máy đi về, trên đường về thỏa thuận G lấy chiếc Tivi và 03 cal dầu còn D lấy máy vanguard. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 tivi hiệu Samsung có giá trị là 5.040.000 đồng; 01 máy thủy vanguard 6.0HP giá trị là 13.090.000 đồng; 80 lít dầu hỏa có giá trị 1.600.000 đồng và 03 cal nhựa loại 30 lít có giá trị là 24.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 19.754.000 đồng.

3. Vào ngày 30/10/2014 G cùng với D điều khiển vò, máy đến nhà của anh Phạm Hoài H ở ấp T, xã T1; khi đến G phát hiện vò, máy xe đang đậu trong rạp vò; D bơi vò, máy cập lại vò, máy của anh H; G, D dùng chìa khóa mang theo tháo đầu máy, G khiêng phần đầu, D khiêng phần sau bỏ qua vò, máy rồi đem đến gửi tại nhà anh Hồ Văn Ta ở ấp T, xã T1. Khoảng 3 ngày sau, D lấy đầu máy đến gửi nhà ông Vưu Hồng K ở ấp T, xã T1. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 Máy thủy 3T68 có giá trị là 22.500.000 đồng.

4. Khoảng năm 2014 G cùng với D điều khiển vò, máy đến nhà chị Nguyễn Mỹ Ti ở ấp T, xã T1, khi đến G, D đậu vò dưới mé sông trước nhà, D đi lên nhà lấy trộm 11 bình gaz loại 12kg màu đỏ và 03 cal nhựa đựng dầu đưa cho G bỏ xuống vò, máy; G điều khiển vò, máy chạy về và G lấy 05 bình gaz và 03 cal dầu sử dụng; D lấy 06 bình gaz, và đã bán cho ông Lê Hoàng Di ở ấp T, xã T1 04 bình gaz với số tiền 1.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 11 bình gaz có giá trị là 6.380.000

đồng; 90 lít dầu diesel có giá trị là 1.530.000 đồng và 03 cal đựng dầu (cal nhựa loại 30 lít) có giá trị là 36.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 7.946.000 đồng.

5. Khoảng tháng 3 năm 2015, G cùng với D điều khiển vỏ, máy đến nhà của ông Phạm Minh T1 ở ấp T, xã T1; khi đến G, D đậu vỏ ở đường công xỏ vuông rồi cùng đi bộ đến hàng ba nhà trước mở cửa hành lang đi vào tháo dây lấy chiếc Tivi để trên tủ, G đưa Tivi xuống vỏ, máy đi về nhà của D; sau đó D bán Tivi cho một người không biết họ tên, địa chỉ và không nhớ số tiền đã bán nhưng có đưa cho G khoảng hơn 1.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 tivi hiệu SONY 32 inch (kèm remote) có giá trị là 8.460.000 đồng.

6. Vào ngày 23/3/2015 G cùng với D điều khiển vỏ, máy đến nhà của ông Trương Văn L1 ở ấp T, xã T1; khi đến G, D đậu vỏ dưới sông phía bên hông nhà và cùng đi đến cửa trước nhà, G mở cửa cùng với D đi vào, G vào phòng ngủ của ông L1 dùng tua vít mang theo cạy hộp tủ nhựa ra lấy 01 cái bóp (tài sản của chị Trương Hồng H1 – con ông L1) bên trong có giấy tờ và tiền Việt Nam đồng có nhiều loại mệnh giá, G, D cùng lục soát, G lấy số tiền khoảng 16.000.000 đồng thì bị phát hiện truy hô nên bỏ chạy xuống vỏ, máy đi về nhà. Số tiền lấy được, G lấy trên 7.000.000 đồng, số còn lại đưa cho D.

7. Vào ngày 24/5/2015 G cùng với D điều khiển vỏ, máy đến nhà của anh Nguyễn Văn Tu ở ấp T, xã T1; khi đến G thấy vỏ, máy xe đậu dưới rạp vỏ thì cặp vỏ, máy lại cùng nhau khiêng chiếc máy xe qua vỏ, máy của G rồi đi về tiệm sửa máy Minh Trí ở T, xã T1 bán cho anh Phan Hoàng P lấy 6.000.000 đồng và chia mỗi người 3.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 máy thủy 3T68 dàn cầu inox giá trị là 15.900.000 đồng.

8. Khoảng 01 giờ ngày 15/8/2015 G cùng D điều khiển vỏ, máy đến nhà của anh Phạm Hoàng C ở ấp T, xã T1; khi đến G, D đậu vỏ, máy dưới sông bên hông trái nhà, rồi cùng đi đến vị trí cửa trước nhà, D mở cửa cùng G vào trong nhà lấy cây đàn organ đựng trong bao da, 02 chiếc cặp học sinh đi ra và lấy thêm 01 thùng tôm sú, thẻ, đất, bạc để trước hàng ba nhà (trị giá khoảng 700.000 đồng), trong thùng tôm có thau chè, sau khi ăn hết chè thì đi về. Các bị cáo phân chia thùng tôm hai phần (D một phần và G một phần), G lấy 02 chiếc cặp học sinh xài, cây đàn G bán cho người không biết họ tên, địa chỉ được 6.000.000 đồng, chia cho mỗi người 3.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đầm Dơi kết luận: 01 đàn Organ hiệu YAMAHA giá trị là 22.950.000 đồng; 01 bao da đựng đàn có giá trị 640.000 đồng; 02 cặp học sinh có giá trị 90.000 đồng. Đối với thùng tôm sú, thẻ, đất thì Hội đồng định giá

từ chối giám định do không đủ điều kiện để định giá. Tổng giá trị tài sản là: 24.380.000 đồng.

9. Khoảng tháng 6/2016 G cùng với D điều khiển vỏ, máy đến nhà bà Trần Thu Đ ở ấp T, xã T; khi đến G, D đậu vỏ, máy trước sông và cùng đi lên bờ đi đến trước nhà có bán cafe, G đi vào tháo dây và lấy chiếc Tivi đang treo trên vách tường và đi ra đưa cho D đưa xuống vỏ, máy và đi về G bán Tivi cho người không biết họ tên, địa chỉ và chia mỗi người khoảng 2.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đàm Dơi kết luận: 01 Tivi hiệu SONY 43 inch (kèm theo remote) có giá trị là 13.205.000 đồng.

10. Vào ngày 19/7/2016 G cùng với D điều khiển vỏ, máy đến nhà ông Hà Việt Th ở ấp T, xã T1; khi đến G, D đậu vỏ, máy trong đường sổ vuông và đột nhập vào cửa bên hông hành lang trái; D mở cửa cùng G đi vào trong nhà, cả hai đến tháo dây Tivi, D khiêng Tivi ra trước, G lấy chiếc quạt phun sương đi phía sau, đưa xuống vỏ và đi về nhà của D, lúc này D lấy Tivi lên nhà, còn G đem cây quạt phun sương về sử dụng. Sau đó D đã bán Tivi cho một người không biết họ tên, địa chỉ, D chia cho G số tiền khoảng hơn 1.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đàm Dơi kết luận: 01 tivi LCD, hiệu samsung 4A46F6100ARXXV có giá trị 13.520.000 đồng và 01 quạt phun sương hiệu SANAKY có giá trị là 1.890.000 đồng. Tổng giá trị tài sản lấy trộm là 15.410.000 đồng.

11. Khoảng 00 giờ 30 ngày 27/9/2016 G điều khiển vỏ, máy cùng với D đến nhà anh Nguyễn Thanh P ở ấp T, xã T1; khi đến D đi lên nhà và thấy 01 máy vanguard để cặp vách nhà; G, D đi lên bờ lấy trộm máy khiêng đưa xuống vỏ, máy rồi G điều khiển đi về nhà của D khiêng máy lên rồi G đi về nhà ngủ; sau đó D đã bán máy trên cho anh Hồ Văn Ta ở ấp T, xã T1 với giá 1.800.000 đồng và chia cho G 900.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đàm Dơi kết luận: 01 máy Vanguard 6.0HP có giá trị là 4.900.000 đồng.

Ngoài ra cá nhân G còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác đó là:

1. Vào năm 2014 G điều khiển vỏ, máy cùng với P (chưa xác định được lai lịch) đến nhà chị Lâm Hồng Tr ở ấp T, xã T1; khi đến G thấy có 01 vỏ Composite dài 6m3 đang đậu trong đường kênh sổ vuông, P kêu G cặp vỏ lại và đi đến chỗ chiếc vỏ đang đậu, mở dây kéo ra ngoài, P khiêng máy honda 11HP (chuẩn bị từ trước dưới vỏ) qua vỏ mới trộm được rồi điều khiển chạy đi, G điều khiển vỏ, máy chạy phía sau, đem đến kênh Nghĩa Hải (chưa xác định được địa điểm chính xác) để bán, vài ngày sau G gặp P thì P nói vỏ bị công an tịch thu nên không lấy được tiền. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá

huyện Đàm Dơi kết luận: 01 vỏ Composite hiệu Kiên G có giá trị còn lại là 5.136.000 đồng.

2. Khoảng 12 giờ ngày 17/10/2015 G điều khiển vỏ, máy đến nhà anh Huỳnh Văn M ở ấp T, xã T1; khi đến G đậu vỏ, máy dưới sông và đi lên nhà G dùng tay phải mở ổ khóa cửa trước đi vào trong; G dùng tua vít cạy cánh cửa tủ (bằng gỗ) lấy một cái cặp, bên trong có giấy tờ, số tiền 10.000.000 đồng (tiền mệnh giá 500.000 đồng), 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18k và 02 cái áo mưa, sau đó đi về nhà; khoảng 05 ngày sau G đem sợi dây chuyền đến bán cho tiệm vàng Quang Sơn được 4.000.000 đồng. Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 02/KL-ĐG ngày 23/01/2018 (các bút lục từ số 41 đến 43) của Hội đồng định giá huyện Đàm Dơi kết luận: 01 dây chuyền 02 chỉ vàng 18k có giá trị là 6.000.000 đồng và 02 áo mưa hiệu savi gold có giá trị là 50.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 6.050.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận định giá tài sản. Tuy nhiên, bị cáo D yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giá trị máy Vangaurd 6.0 HP của ông Phạm Minh D1 đã định giá để quyết định mức bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 20 – 5 – 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố Vưu Bảo G và Trương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Các tài sản người bị hại đã nhận lại: Ông Th nhận 01 đầu máy xe 3T72, 01 dàn cầu và 01 quạt phun sương; bà N nhận 01 Tivi; chị Mỹ Ti nhận 04 bình gaz và chị Th1 nhận 01 Tivi, 01 cái bàn tròn.

Các bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường các tài sản bị mất gồm: Ông Th yêu cầu giá trị Tivi là 13.520.000 đồng; ông D1 yêu cầu giá trị máy Vanguard 6.0HP và 03 can dầu là 14.714.000 đồng; anh H yêu cầu bồi thường giá trị máy xe 3T68 là 22.500.000 đồng, chị Mỹ Ti yêu cầu giá trị 03 can dầu (90 lít) và 07 bình ga bị mất 6.296.000 đồng, ông T1 yêu cầu giá trị Tivi là 8.460.000 đồng; chị H1 yêu cầu số tiền 16.000.000 đồng; anh Tu yêu cầu giá trị máy xe 3T68 là 15.900.000 đồng; anh C yêu cầu giá trị cây đàn (kèm bao da), 01 thùng tôm và 02 cái cặp là 24.380.000 đồng; bà Đ yêu cầu bồi thường số tiền còn lại 6.205.000 đồng và anh P yêu cầu giá trị máy Vanguard 6.0HP là 4.900.000 đồng.

Các bị hại yêu cầu bị cáo G bồi thường gồm: Chị Tr yêu cầu giá trị chiếc vỏ bị mất 5.136.000 đồng; anh M yêu cầu giá trị 02 chỉ vàng 18k và tiền mặt tổng số là 16.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường giá trị 02 áo mưa bị mất.

Ông Lê Hoàng Di yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu ở trên ra thì các bị hại không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, các bị cáo thỏa thuận bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bị cáo G đồng ý bồi thường cho bà Đ số tiền 7.000.000 đồng (bà Đ đã nhận từ chị X xong), cho ông D1 là 9.714.000 đồng (giá trị máy 8.090.000 đồng và giá trị 03 can dầu là 1.624.000 đồng), chị Mỹ Ti 3.496.000 đồng, anh C 12.235.000 đồng (1/2 cây đàn và thùng tôn là 12.145.000 đồng, giá trị 02 chiếc cặp bằng 90.000 đồng), chị Tr 5.136.000 đồng và anh M 16.000.000 đồng.

Bị cáo D đồng ý bồi thường cho ông D1 số tiền 5.000.000 đồng, chị Mỹ Ti 2.800.000 đồng và bà Đ 6.205.000 đồng.

Đối với các yêu cầu của bị hại còn lại và yêu cầu bồi thường của ông Lê Hoàng Di các bị cáo đồng ý mỗi người bồi thường $\frac{1}{2}$.

Về xử lý trách nhiệm hình sự: Bà Trần Thu Đ, anh Phạm Hoàng C và anh Phạm Hoài H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng thể hiện: Vào 01 giờ 30 ngày 29/01/2016 bị cáo Vuur Bảo G và bị cáo Trương Văn D đã lấy trộm 01 máy xe 3T72 (có dàn cầu) của ông Hà Việt Th, trú tại ấp T, xã T1, huyện Đ có giá trị theo định giá là 23.400.000 đồng; trong quá trình điều tra các bị cáo khai nhận thực hiện thêm 12 vụ trộm cắp tài sản khác của các bị hại trên địa bàn huyện Đầm Dơi với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 183.505.000 đồng. Bị cáo G còn thực hiện riêng 02 vụ trộm tài sản với giá trị theo định giá là 21.186.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo D cùng bị cáo G thực hiện của 13 lần là 206.905.000 đồng và bị cáo G thực hiện của 15 lần là 228.091.000 đồng. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn D mức án từ 07 năm đến 08 năm tù; điểm a khoản 3 Điều 173; áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vuur Bảo G mức án từ 07 năm 06 tháng năm đến 08 năm 06 tháng tù. Áp dụng điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 28 ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đối với các bị cáo Trương Văn D và Vuur Bảo G.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo G và D phải liên đới bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 138.375.000 đồng, được trừ với số tiền đã khắc phục hậu quả; cụ thể:

+ Ông Hà Việt Th 13.520.000 đồng, bà Trương Hồng H1 bồi thường 16.000.000 đồng, ông Phạm Minh D1 14.714.000 đồng, ông Phạm Hoàng C 24.380.000 đồng, ông Phạm Hoài H 22.500.000 đồng, bà Nguyễn Mỹ Ti 6.296.000 đồng, ông Nguyễn Thanh P 4.900.000 đồng, ông Phạm Minh T1 8.460.000 đồng, ông Nguyễn Văn Tu 15.900.000 đồng và bà Trần Thu Đ 6.205.000 đồng.

Buộc G phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn M 16.050.000 đồng và bà Lâm Hồng Tr 5.136.000 đồng.

Buộc bị cáo G và bị cáo D liên đới trả lại cho ông Di số tiền 5.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo D và bị cáo G nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc mua tài sản tổng số tiền là 16.100.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Xử lý vật chứng:

+ 01 Ti vi hiệu SONY màu đen 32 inch, Model: KLV-32-BX35A. (đã nhập kho vật chứng của Công an huyện Đầm Dơi)

+ 01 máy laptop hiệu DELL màu trắng, đen cùng cục sạc pin. (đã nhập kho vật chứng của Công an huyện Đầm Dơi).

+ 01 tivi hiệu sam sung màu đen 43inch, model: PS43E490B1R kèm theo remote điều khiển. (đã nhập kho vật chứng của Công an huyện Đầm Dơi).

+ 01 đầu máy xe 3T68 (đã qua sử dụng).

Hiện chưa xác định được bị hại nên Công an huyện Đầm Dơi tiếp tục xác minh, tìm chủ sở hữu, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Võ composite hiệu Hữu Vui, máy honda 5.5 HP G dùng làm phương tiện đã bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tuyên tịch thu sung quỹ trong vụ án xét xử ngày 29/12/2016 nên không xem xét.

Đối với máy Mitshibitshi 6.0HP trong quá trình sử dụng đã hư hỏng và bán phế liệu nên không thu giữ được.

Đối với chìa khóa 13,17,19 G dùng để mở đầu máy xe đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hải thu giữ trong biên bản khám xét ngày 08/11/2017. Đối với công cụ của Trương Văn D thì không thu giữ được theo biên bản khám xét ngày 08/11/2017. Công an huyện Đông Hải đã xử lý trong vụ án khác, nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Văn D có ý kiến: Thống nhất theo tội danh và các tình tiết giảm nhẹ theo đề nghị của Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là: Tại phiên tòa bị hại Phạm Hoàng C có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, bị cáo không biết chữ nên nhận thức có phần hạn chế. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Đồng thời vận dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xem xét vai trò đồng phạm của bị cáo ở mức độ nhẹ hơn bị cáo G.

Bị cáo G yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo D yêu cầu Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng Ta phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo D không thừa nhận cùng bị cáo G lấy dàn cầu máy 3T72 của ông Hà Việt Th và yêu cầu xem xét giá trị giá trị máy Vangaurd 6.0 HP của ông Phạm Minh D1 đã định giá để quyết định mức bồi thường thiệt hại.

Xét thấy: Qua xem xét, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo G phù hợp với lời khai của bị cáo D trong biên bản hỏi cung bị can (bút lục 97) và biên bản đối chất (bút lục 107) có đủ căn cứ xác định bị cáo G và bị cáo D đã lấy đầu máy xe 3T78 và dàn cầu của ông Th nên không chấp nhận lời khai của bị cáo D về vấn đề này. Đối với đề nghị xem xét giá trị máy Vangaurd 6.0 HP của ông D1 để xem xét mức bồi thường thấy rằng: Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện đã thu thập, tài liệu liên quan và tiến hành định giá tài sản đúng quy định, bị cáo không có ý kiến gì khác ngoài yêu cầu này nên không đặt ra xem xét.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, đối chiếu với lời khai tại Cơ quan điều tra là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập được đã chứng minh được:

Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, các bị cáo Vuur Bảo G và Trương Văn D đã thực hiện trộm cắp tài sản của nhiều bị hại trên địa bàn huyện Đàm Dơi gồm: Ông Hà Việt Th, trú tại ấp T, xã T1; chị Nguyễn Hồng Th1, trú tại khóm X, thị trấn Đ1; bà Nguyễn Thị N, trú tại ấp T, xã T1; ông Phạm Minh D1, trú tại ấp T, xã T1; anh Phạm Hoài H, trú tại ấp T, xã T1; chị Nguyễn Mỹ Ti, trú tại ấp T, xã T1; ông Phạm Minh T1, trú tại ấp T, xã T1; chị Trương Hồng H1, trú tại ấp T, xã T1; anh Nguyễn Văn Tu, trú tại ấp T, xã T1; anh Phạm Hoàng C, trú tại ấp T, xã T1; bà Trần Thu Đ, trú tại ấp T, xã T1 và anh Nguyễn Thanh P, trú tại ấp T, xã T1 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của các bị hại là 206.905.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo G thực hiện trộm cắp tài sản của anh Huỳnh Văn M, trú tại ấp T, xã T1 gồm: 10.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18k và 02 cái áo mưa có giá trị tài sản và tiền là: 16.050.000 đồng và cùng với đối tượng tên P (chưa xác định được) lấy trộm 01 vỏ composite, hiệu Kiên G, dài 6m3 của chị Lâm Hồng Tr, trú tại ấp T, xã T1 có giá trị là 5.136.000 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo G đã chiếm đoạt của các bị hại trong vụ án này là 228.091.000 đồng.

Do vậy, hành vi của bị cáo Vuur Bảo G và bị cáo Trương Văn D đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo đã thực hiện trước 0 giờ ngày 01/01/2018 nhưng đến ngày 05/3/2018 mới bị khởi tố, điều tra từ kết quả giải quyết về nguồn tin tội phạm. So sánh tội “Trộm cắp tài sản” theo Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự hiện hành thì có mức hình phạt và các biện pháp tư pháp tương đương nhau. Do vậy để thực hiện áp dụng thống nhất pháp luật, Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định khởi tố, điều tra, truy tố các bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự hiện hành không gây bất lợi cho các bị cáo nên Cáo trạng số: 20/CT-VKS ngày 18 – 5 – 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi truy tố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, được chấp nh.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm thấy rằng:

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, không sắp xếp, phân công vai trò và thực hiện đối với từng bị cáo nhưng các bị cáo đã chủ động rủ qua, rủ lại đi lấy trộm tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của những người bị hại. Trong một thời gian dài (từ năm 2014 đến năm 2016), các bị cáo lợi dụng sơ hở, sự thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của nhiều bị hại trên địa bàn huyện Đầm Dơi đã lấy trộm nhiều tài sản có giá trị lớn để bán lấy tiền chi xài cá nhân. Trước, trong và sau khi phạm tội các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật cũng như muốn hưởng lợi trên sức lao động của người khác nên các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý hoang mang, bất ổn trong cuộc sống và sinh hoạt của người dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội (mức độ của bị cáo G cao hơn bị cáo D); khi bị bắt giữ về hành vi phạm tội ở nơi khác đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá

trình giải quyết vụ án (mức độ của bị cáo G cao hơn bị cáo D) khai nhận các hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đầm Dơi; đã tác động đến gia đình khắc phục một phần hậu quả (trong đó: Chị Trần Mỹ X (vợ bị cáo G) bồi thường cho bà Trần Thu Đ số tiền 7.000.000 đồng và nộp khắc phục số tiền 5.000.000 đồng; chị Hồ Thị Den (vợ bị cáo D) nộp khắc phục số tiền 10.000.000 đồng); bà Trần Thu Đ, anh Phạm Hoàng C và anh Phạm Hoài H yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo G là bộ đội xuất ngũ, hoàn thành nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, có ông nội là Người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo D có cha là thương binh 4/4 và bản thân bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo.

Do đó, đề nghị của Luật sư yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm mức hình phạt khi quyết định đối với bị cáo D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo G đã thực hiện 02 vụ trộm khác và cùng với bị cáo D thực hiện 12 lần thực hiện trộm tài sản của 13 bị hại, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo G đã bị Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử vào ngày 29/12/2016 xử phạt 01 năm 06 tháng tù và vào ngày 15/6/2018 xử phạt 08 năm 06 tháng tù; Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử vào ngày 11/9/2018 xử phạt 04 năm tù cùng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo D bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử vào ngày 11/9/2018 xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

[7] Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng và phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, trừng trị nhưng cũng là để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt, có ích; đồng thời cũng là để cảnh tỉnh, cảnh báo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Tuy nhiên, do có đủ điều kiện để quyết định hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xử phạt bị cáo G mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng và bị cáo D mức án từ 07 năm đến 08 năm là có phần nghiêm khắc đối với các bị cáo nên cần điều chỉnh lại là phù hợp và đúng pháp luật.

[9] Tòa án đã có công văn yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2018/HSST của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu nhưng đến nay chưa nhận được văn bản trả lời nên chưa có căn cứ để tổng hợp hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại; việc thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo là tự nguyện không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Do đó, buộc bị cáo G bồi thường cho bà Đ 7.000.000 đồng (bà Đ đã nhận từ chị X xong), cho ông D1 là 9.714.000 đồng, chị Mỹ Ti 3.496.000 đồng, anh C 12.235.000 đồng, chị Tr 5.136.000 đồng và anh M 16.000.000 đồng. Buộc bị cáo D bồi thường cho ông D1 số tiền 5.000.000 đồng, chị Mỹ Ti 2.800.000 đồng và bà Đ 6.205.000 đồng.

Buộc mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho các bị hại. Cụ thể bồi thường cho ông Th 6.790.000 đồng, anh H 11.250.000 đồng, ông T1 4.230.000 đồng, chị H1 8.000.000 đồng, anh Tu 7.950.000 đồng và anh P 2.450.000 đồng.

[11] Đối với yêu cầu bồi thường của ông Lê Hoàng Di số tiền 5.000.000 đồng tiền mua máy 3T72 đã trộm của ông Th: Mỗi bị cáo đồng ý bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Xét thấy, việc thỏa thuận bồi thường là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[12] Bị cáo G cùng với chị Trần Mỹ X thống nhất sử dụng số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo D cùng với chị Hồ Thị D1 sử dụng số tiền 10.000.000 đồng đã nộp khắc phục tại Chi cục Thi hành án để bồi thường cho các bị hại.

[13] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo D và bị cáo G nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc mua tài sản tổng số tiền là 16.100.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Xét thấy, số tiền các bị cáo bán tài sản trộm sử dụng chi xài cá nhân nhưng do đã buộc các bị cáo bồi thường cho các bị hại đối với các tài sản bị mất nên không chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[14] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra thu giữ các tài sản và đã chứng minh được chủ sở hữu đã trả lại cho những bị hại, gồm: Ông Th 01 đầu máy xe 3T72, 01 dàn cầu và 01 quạt phun sương; bà N nhận 01 Tivi; chị Mỹ Ti 04 bình gaz và chị Th1 01 Tivi và 01 cái bàn tròn. Việc Cơ quan điều tra xử lý trả lại cho người bị hại là có căn cứ nên không đặt ra xem xét.

Đối với các tài sản khác đã thu giữ quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện Đầm Dơi gồm: 01 Ti vi hiệu SONY màu đen 32 inch, Model: KLV-32-BX35A, 01 máy laptop hiệu DELL, 01 tivi hiệu sam sung màu đen 43inch

(kèm theo remote); quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi 01 đầu máy xe 3T68 chưa chứng minh được chủ sở hữu nên giao lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục truy tìm chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền.

Đối với vỏ Composite hiệu Hữu Vui, máy honda 5.5 HP của bị cáo G đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xử lý trong vụ án xét xử ngày 29/12/2016 và đối với các chìa khóa 13,17,19 đã thu giữ theo biên bản khám xét ngày 08/11/2017 đã được Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xử lý và các vật chứng khác không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

[15] Đối với Lê Hoàng Di, Hồ Văn Ta, Hồ Út Nh, Phan Hoàng PH1 đã có hành vi mua tài sản nhưng không biết đây là các tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định của pháp luật. Đối với đối tượng tên P (chưa xác định được) cùng bị cáo G thực hiện lấy trộm vỏ của chị Lâm Hồng Tr, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi tiếp tục xác minh làm rõ vai trò đồng phạm, nếu có căn cứ xử lý sau là phù hợp.

[16] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm bị cáo G phải chịu là: $(96.721.000 \text{ đồng} - 7.000.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 4.236.050 \text{ đồng}$ và bị cáo D phải chịu là: $(69.290.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 2.964.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Vuur Bảo G và Trương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vuur Bảo G 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo G bồi thường cho bà Trần Thu Đ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) ông Phạm Minh D1 9.714.000 đồng (chín triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng), cho anh Phạm Hoàng C 12.235.000 đồng (mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng), cho ông Hà Việt Th 6.760.000 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), cho anh Phạm Hoài H 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), cho chị Nguyễn Mỹ Ti 3.496.000 đồng (ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng), cho ông Phạm Minh T1 4.230.000 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), cho chị Trương Hồng H1 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), cho anh Nguyễn Văn Tu 7.950.000 đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), cho anh Nguyễn Thanh P 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), cho chị Lâm Hồng Tr 5.136.000 đồng (năm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn đồng), cho anh Huỳnh Văn M 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) và cho ông Lê Hoàng Di 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo G phải bồi thường 96.721.000 đồng (chín mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi một nghìn đồng), chị Trần Mỹ X (vợ bị cáo G) đã bồi thường xong cho bà Đ 7.000.000 đồng, đối trừ số tiền 5.000.000 đồng chị Trần Mỹ X (vợ bị cáo) đã nộp tạm ứng theo biên thu tiền số 0009677 ngày 19/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi thì bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại 84.721.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, người liên quan.

Buộc bị cáo D bồi thường cho ông Phạm Minh D1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cho bà Trần Thu Đ 6.205.000 đồng (sáu triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng), cho anh Phạm Hoàng C 12.145.000 đồng (mười hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), cho ông Hà Việt Th 6.760.000 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), cho anh Phạm Hoài H 11.250.000 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), cho chị Nguyễn Mỹ Ti 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng), cho ông Phạm Minh T1 4.230.000 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), cho chị Trương Hồng H1 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), cho anh Nguyễn Văn Tu 7.950.000 đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), cho anh Nguyễn Thanh P 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và cho ông Lê Hoàng Di 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo D phải bồi thường 69.290.000 đồng (sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), đối trừ số tiền 10.000.000 đồng chị Hồ Thị D1 (vợ bị cáo) đã nộp tạm ứng theo biên thu tiền số 0009684 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi thì bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền còn lại 59.290.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, người liên quan.

Tiếp tục duy trì số tiền 5.000.000 đồng chị X đã nộp và số tiền 10.000.000 đồng chị D1 đã nộp khắc phục để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giao các tài sản gồm: 01 Tivi hiệu SONY 32 inch, 01 máy laptop hiệu DELL, 01 Tivi hiệu Samsung 43inch (kèm theo remote) (đang quản lý tại kho vật chứng của Công an huyện Đầm Dơi) và 01 đầu máy xe 3T68 (đang quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi) cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đầm Dơi tiếp tục truy tìm chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (các bị cáo chưa nộp).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo G phải chịu là 4.236.050 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn không trăm năm mươi đồng) và bị cáo D phải chịu là 2.964.500 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm đồng) (các bị cáo chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo và những người bị hại, người liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người bị hại, người liên quan vắng mặt thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nH:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Công an huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Văn Càn